

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

MỤC LỤC

| | Trang |
|---|----------------|
| 1. Mục lục | 1 |
| 2. Báo cáo của Tổng Giám đốc | 2 - 4 |
| 3. Báo cáo kiểm toán độc lập | 5 - 6 |
| 4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 7 - 10 |
| 5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 11 |
| 6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 12 - 13 |
| 7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 | 14 - 31 |

BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC

Tổng Giám đốc Công ty trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán.

Khái quát về Công ty

Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1400112623, đăng ký lần đầu ngày 17 tháng 4 năm 2007 và đăng ký thay đổi lần thứ 08 ngày 11 tháng 12 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp:

924.039.430.000 VND

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Điện thoại : (84 - 67) 3891 166

Fax : (84 - 67) 3891 672

E-mail : vh@vinhhoan.com.vn

Mã số thuế : 1400112623

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị

Địa chỉ

Chi nhánh Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại
TP. Hồ Chí Minh

569-571-573 (lầu 8,9) Trần Hưng Đạo, phường
Cầu Kho, quận 1, TP. Hồ Chí Minh

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; nuôi trồng thủy sản nội địa; mua bán nông sản nguyên liệu và sơ chế, mua bán nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy sản; mua bán thủy hải sản, mua bán nông sản thực phẩm, súc sản phục vụ sản xuất; mua bán hóa chất phục vụ sản xuất, nhập khẩu, mua bán phân bón, kinh doanh thuốc thú y thủy sản; sản xuất thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản; mua bán máy móc, thiết bị, vật tư phục vụ sản xuất; sản xuất bao bì giấy; in bao bì các loại; xây dựng nhà các loại; xay xát thóc lúa, đánh bóng gạo; kinh doanh bất động sản (không bao gồm kinh doanh dịch vụ bất động sản), kinh doanh dịch vụ du lịch sinh thái; mua bán, xuất nhập khẩu gạo; các dịch vụ thú y thủy sản (tư vấn sử dụng thuốc, thức ăn và kỹ thuật nuôi trồng thủy sản).

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do lợi nhuận từ bán Công ty con và lợi nhuận được chia từ các Công ty con.

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 30.801.240 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu và 197.790 cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014.

Ngoài ra, Công ty đã tái phát hành 1.198.750 cổ phiếu quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 7 năm 2014.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 07 đến trang 41).



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN
BÁO CÁO CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Trong năm, Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2013 và 2014 theo Nghị quyết Đại hội cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng quản trị ngày 28 tháng 10 năm 2014 như sau:

| | |
|---|----------------------------|
| - Trích quỹ khen thưởng vượt kế hoạch cho Ban điều hành | 10.000.000.000 VND |
| - Chia cổ tức năm 2013 bằng tiền mặt | 90.309.244.500 VND |
| - Chia cổ tức bằng cổ phiếu | 308.012.400.000 VND |
| - Phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên | 1.977.900.000 VND |
| Cộng | 410.299.544.500 VND |

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 85% vốn của Công ty vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ với giá chuyển nhượng là USD 425,000.00 theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký kết với bên mua vào ngày 15 tháng 8 năm 2014.

Ngoài sự kiện nêu trên, Tổng Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|-------------------------|------------|---------------------|-----------------|
| Bà Trương Thị Lệ Khanh | Chủ tịch | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm | Thành viên | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Ông Huỳnh Đức Trung | Thành viên | 23 tháng 4 năm 2009 | - |
| Ông Jean Eric Jacquemin | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2011 | - |
| Ông Võ Phú Đức | Thành viên | 09 tháng 5 năm 2012 | - |

Ban kiểm soát

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|---------------------|------------|---------------------|---------------------|
| Bà Trương Tuyết Hoa | Trưởng ban | 09 tháng 5 năm 2012 | - |
| Ông Phạm Lâm Triều | Thành viên | 25 tháng 4 năm 2013 | - |
| Bà Hồ Thanh Huệ | Thành viên | 23 tháng 4 năm 2009 | 14 tháng 5 năm 2014 |
| Ông Trần Minh Hào | Thành viên | 14 tháng 5 năm 2014 | - |

Ban điều hành, quản lý

| Họ và tên | Chức vụ | Ngày bổ nhiệm | Ngày miễn nhiệm |
|------------------------|----------------------------|----------------------|-----------------|
| Bà Trương Thị Lệ Khanh | Tổng Giám đốc | 01 tháng 4 năm 2007 | - |
| Bà Trương Tuyết Phương | Giám Đốc thu mua – nhân sự | 09 tháng 01 năm 2014 | - |
| Ông Huỳnh Đức Trung | Giám đốc dự án | 09 tháng 01 năm 2014 | - |
| Bà Nguyễn Ngô Vi Tâm | Giám đốc kinh doanh | 09 tháng 01 năm 2014 | - |
| Bà Nguyễn Thị Kim Đào | Giám đốc tài chính | 01 tháng 01 năm 2014 | - |
| Bà Hồ Thanh Huệ | Giám đốc sản xuất | 01 tháng 3 năm 2014 | - |

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014, A&C bày tỏ nguyện vọng tiếp tục được chỉ định là kiểm toán viên độc lập của Công ty.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các phán đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những Chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Tổng Giám đốc Công ty cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

Ngày 27 tháng 3 năm 2015



**BAKER TILLY
A&C**

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.



Headquarters : 2 Trương Sơn St., W. 2, Tân Bình Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970
Branch in Ha Noi : 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City
Branch in Nha Trang: 18 Trần Khanh Du St., Nha Trang City
Branch in Can Tho : 162C/4 Trần Ngọc Que St., Can Tho City
www.a-c.com.vn

Số: 0348/2015/BCTC-KTTV

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Công ty), được lập ngày 03 tháng 3 năm 2015, từ trang 07 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Tổng Giám đốc

Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ Chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

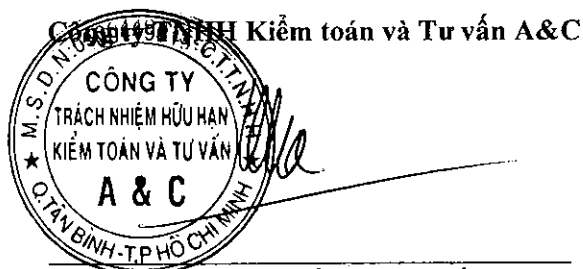
Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.



Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.



Bùi Văn Khá - Phó Tổng Giám đốc
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0085-2013-008-1

Phan Vũ Công Bá - Kiểm toán viên
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0197-2013-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 27 tháng 3 năm 2015

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - TÀI SẢN NGẮN HẠN | 100 | | 3.089.130.177.364 | 1.483.232.225.803 |
| I. Tiền và các khoản tương đương tiền | 110 | V.1 | 9.933.761.943 | 46.397.315.140 |
| 1. Tiền | 111 | | 9.933.761.943 | 46.397.315.140 |
| 2. Các khoản tương đương tiền | 112 | | - | - |
| II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn | 120 | | 1.168.110.799.270 | 38.907.661.978 |
| 1. Đầu tư ngắn hạn | 121 | V.2 | 1.168.110.799.270 | 38.907.661.978 |
| 2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn | 129 | | - | - |
| III. Các khoản phải thu ngắn hạn | 130 | | 1.075.703.094.075 | 581.893.491.741 |
| 1. Phải thu khách hàng | 131 | V.3 | 989.658.842.138 | 545.440.895.746 |
| 2. Trả trước cho người bán | 132 | V.4 | 45.623.496.900 | 26.351.448.769 |
| 3. Phải thu nội bộ ngắn hạn | 133 | | - | - |
| 4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 134 | | - | - |
| 5. Các khoản phải thu khác | 135 | V.5 | 41.922.750.725 | 11.603.142.914 |
| 6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 139 | V.6 | (1.501.995.688) | (1.501.995.688) |
| IV. Hàng tồn kho | 140 | | 767.866.896.418 | 756.593.993.234 |
| 1. Hàng tồn kho | 141 | V.7 | 810.305.892.867 | 813.773.350.635 |
| 2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | 149 | V.8 | (42.438.996.449) | (57.179.357.401) |
| V. Tài sản ngắn hạn khác | 150 | | 67.515.625.658 | 59.439.763.710 |
| 1. Chi phí trả trước ngắn hạn | 151 | V.9 | 325.044.134 | 819.957.655 |
| 2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ | 152 | | 39.415.618.724 | 36.469.158.047 |
| 3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 154 | V.22 | 740.845.712 | 127.746.901 |
| 4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 157 | | - | - |
| 5. Tài sản ngắn hạn khác | 158 | V.10 | 27.034.117.088 | 22.022.901.107 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| TÀI SẢN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| B - TÀI SẢN DÀI HẠN | 200 | | 975.873.034.424 | 683.078.673.280 |
| I. Các khoản phải thu dài hạn | 210 | | - | - |
| 1. Phải thu dài hạn của khách hàng | 211 | | - | - |
| 2. Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc | 212 | | - | - |
| 3. Phải thu dài hạn nội bộ | 213 | | - | - |
| 4. Phải thu dài hạn khác | 218 | | - | - |
| 5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi | 219 | | - | - |
| II. Tài sản cố định | 220 | | 419.471.789.418 | 440.161.706.386 |
| 1. Tài sản cố định hữu hình | 221 | V.11 | 300.348.559.643 | 339.477.637.122 |
| <i>Nguyên giá</i> | 222 | | 742.797.809.110 | 695.100.156.264 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 223 | | (442.449.249.467) | (355.622.519.142) |
| 2. Tài sản cố định thuê tài chính | 224 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 225 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 226 | | - | - |
| 3. Tài sản cố định vô hình | 227 | V.12 | 55.000.117.532 | 50.076.757.445 |
| <i>Nguyên giá</i> | 228 | | 57.050.010.140 | 51.787.172.240 |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 229 | | (2.049.892.608) | (1.710.414.795) |
| 4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 230 | V.13 | 64.123.112.243 | 50.607.311.819 |
| III. Bất động sản đầu tư | 240 | | - | - |
| <i>Nguyên giá</i> | 241 | | - | - |
| <i>Giá trị hao mòn lũy kế</i> | 242 | | - | - |
| IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn | 250 | | 510.843.049.712 | 195.874.499.459 |
| 1. Đầu tư vào công ty con | 251 | V.14 | 549.862.533.184 | 228.232.041.558 |
| 2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh | 252 | | - | - |
| 3. Đầu tư dài hạn khác | 258 | V.15 | 2.045.847.888 | 7.697.000.726 |
| 4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn | 259 | V.16 | (41.065.331.360) | (40.054.542.825) |
| V. Tài sản dài hạn khác | 260 | | 45.558.195.294 | 47.042.467.435 |
| 1. Chi phí trả trước dài hạn | 261 | V.17 | 44.354.733.669 | 45.839.005.810 |
| 2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 262 | | - | - |
| 3. Tài sản dài hạn khác | 268 | V.18 | 1.203.461.625 | 1.203.461.625 |
| TỔNG CỘNG TÀI SẢN | 270 | | 4.065.003.211.788 | 2.166.310.899.083 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

| NGUỒN VỐN | Mã số | Thuyết minh | Số cuối năm | Số đầu năm |
|---|------------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| A - NỢ PHẢI TRẢ | 300 | | 2.194.831.356.801 | 832.903.438.271 |
| I. Nợ ngắn hạn | 310 | | 2.194.831.356.801 | 832.903.438.271 |
| 1. Vay và nợ ngắn hạn | 311 | V.19 | 1.767.545.055.412 | 253.422.846.926 |
| 2. Phải trả người bán | 312 | V.20 | 146.830.874.325 | 242.796.038.230 |
| 3. Người mua trả tiền trước | 313 | V.21 | 8.259.277.553 | 5.533.629.938 |
| 4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 314 | V.22 | 9.738.897.906 | 9.806.399.100 |
| 5. Phải trả người lao động | 315 | V.23 | 57.175.206.875 | 48.670.480.531 |
| 6. Chi phí phải trả | 316 | V.24 | 6.905.020.932 | 5.038.511.051 |
| 7. Phải trả nội bộ | 317 | | - | - |
| 8. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 318 | | - | - |
| 9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác | 319 | V.25 | 97.929.180.254 | 164.071.969.454 |
| 10. Dự phòng phải trả ngắn hạn | 320 | V.26 | 43.100.000.000 | 43.100.000.000 |
| 11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 323 | V.27 | 57.347.843.544 | 60.463.563.041 |
| 12. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ | 327 | | - | - |
| II. Nợ dài hạn | 330 | | - | - |
| 1. Phải trả dài hạn người bán | 331 | | - | - |
| 2. Phải trả dài hạn nội bộ | 332 | | - | - |
| 3. Phải trả dài hạn khác | 333 | | - | - |
| 4. Vay và nợ dài hạn | 334 | | - | - |
| 5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 335 | | - | - |
| 6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm | 336 | | - | - |
| 7. Dự phòng phải trả dài hạn | 337 | | - | - |
| 8. Doanh thu chưa thực hiện | 338 | | - | - |
| 9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 339 | | - | - |
| B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU | 400 | | 1.870.171.854.987 | 1.333.407.466.812 |
| I. Vốn chủ sở hữu | 410 | | 1.870.171.854.987 | 1.333.407.466.812 |
| 1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu | 411 | V.28 | 924.039.430.000 | 614.049.120.000 |
| 2. Thặng dư vốn cổ phần | 412 | V.28 | 216.409.744.645 | 190.492.000.000 |
| 3. Vốn khác của chủ sở hữu | 413 | | - | - |
| 4. Cổ phiếu quỹ | 414 | V.28 | - | (36.897.215.355) |
| 5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản | 415 | | - | - |
| 6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 416 | | - | - |
| 7. Quỹ đầu tư phát triển | 417 | | - | - |
| 8. Quỹ dự phòng tài chính | 418 | | - | - |
| 9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu | 419 | | - | - |
| 10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | 420 | V.28 | 729.722.680.342 | 565.763.546.167 |
| 11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản | 421 | | - | - |
| 12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp | 422 | | - | - |
| II. Nguồn kinh phí và quỹ khác | 430 | | - | - |
| 1. Nguồn kinh phí | 432 | | - | - |
| 2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định | 433 | | - | - |
| TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN | 440 | | 4.065.003.211.788 | 2.166.310.899.083 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

| CHỈ TIÊU | Thuyết minh | | |
|--|-------------|-------------|--------------|
| | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| 1. Tài sản thuê ngoài | | - | - |
| 2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công | | - | - |
| 3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược | | - | - |
| 4. Nợ khó đòi đã xử lý | | - | - |
| 5. Ngoại tệ các loại: | | | |
| Dollar Mỹ (USD) | | 229.294,01 | 1.722.175,75 |
| Euro (EUR) | | 422,66 | 273,78 |
| Nhân dân tệ Trung Quốc (CNY) | | 3.436 | - |
| 6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án | | - | - |

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 3 năm 2015

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Số tiền | |
|--|-------|-------------|------------------------|------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 01 | VI.1 | 5.043.695.501.990 | 4.349.410.027.432 |
| 2. Các khoản giảm trừ doanh thu | 02 | VI.1 | 7.665.955.244 | 9.970.397.459 |
| 3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 10 | VI.1 | 5.036.029.546.746 | 4.339.439.629.973 |
| 4. Giá vốn hàng bán | 11 | VI.2 | 4.464.554.588.030 | 3.911.872.697.910 |
| 5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 20 | | 571.474.958.716 | 427.566.932.063 |
| 6. Doanh thu hoạt động tài chính | 21 | VI.3 | 464.572.602.836 | 117.554.042.678 |
| 7. Chi phí tài chính | 22 | VI.4 | 66.496.647.954 | 103.317.065.366 |
| Trong đó: chi phí lãi vay | 23 | | 27.354.622.597 | 61.367.838.445 |
| 8. Chi phí bán hàng | 24 | VI.5 | 231.211.530.314 | 238.430.888.233 |
| 9. Chi phí quản lý doanh nghiệp | 25 | VI.6 | 52.009.114.360 | 44.342.944.343 |
| 10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 30 | | 686.330.268.924 | 159.030.076.799 |
| 11. Thu nhập khác | 31 | VI.7 | 1.858.207.550 | 12.073.923.803 |
| 12. Chi phí khác | 32 | VI.8 | 6.007.306.713 | 3.524.036.846 |
| 13. Lợi nhuận khác | 40 | | (4.149.099.163) | 8.549.886.957 |
| 14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 50 | | 682.181.169.761 | 167.579.963.756 |
| 15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 51 | V.22 | 107.922.491.086 | 34.423.025.139 |
| 16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại | 52 | | - | - |
| 17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp | 60 | | <u>574.258.678.675</u> | <u>133.156.938.617</u> |
| 18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 70 | VI.9 | - | - |

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 3 năm 2015



[Signature]
 Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Người lập biểu

[Signature]
 Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
 Kế toán trưởng

[Signature]
 Nguyễn Thị Kim Đào
 Giám đốc tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | Năm nay | Năm trước |
|---|-----------|---------------------|----------------------------|------------------------|
| I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh | | | | |
| 1. Lợi nhuận trước thuế | 01 | | 682.181.169.761 | 167.579.963.756 |
| 2. Điều chỉnh cho các khoản: | | | | |
| - Khấu hao tài sản cố định | 02 | V.11,V.12 | 87.675.199.508 | 80.554.010.723 |
| - Các khoản dự phòng | 03 | V.8,V.16 | (13.729.572.417) | 22.774.149.778 |
| - Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện | 04 | VI.4 | 4.737.088.594 | - |
| - Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư | 05 | VI.4,VI.3,VI.7,VI.8 | (421.572.023.541) | (104.997.336.745) |
| - Chi phí lãi vay | 06 | VI.4 | 27.354.622.597 | 61.367.838.445 |
| 3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động | 08 | | 366.646.484.502 | 227.278.625.957 |
| - Tăng, giảm các khoản phải thu | 09 | | (477.594.997.674) | 16.302.304.370 |
| - Tăng, giảm hàng tồn kho | 10 | | 3.467.457.768 | 14.054.139.939 |
| - Tăng, giảm các khoản phải trả | 11 | | (146.815.238.615) | 87.779.448.559 |
| - Tăng, giảm chi phí trả trước | 12 | | 2.512.862.162 | (3.789.811.460) |
| - Tiền lãi vay đã trả | 13 | VI.4,V.24 | (27.592.334.302) | (62.943.653.366) |
| - Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp | 14 | V.22 | (108.803.884.059) | (40.778.374.089) |
| - Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh | 15 | | 369.106.000 | 143.852.000 |
| - Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | 16 | V.27 | (13.115.719.497) | (10.890.237.358) |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | 20 | | (400.926.263.715) | 227.156.294.552 |
| II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư | | | | |
| 1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 21 | V.11,V.12,V.13,VII | (79.707.011.802) | (103.168.160.555) |
| 2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác | 22 | VI.7 | 520.615.000 | 547.615.000 |
| 3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác | 23 | | (1.654.010.030.563) | (411.123.926.798) |
| 4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác | 24 | | 531.074.182.558 | 1.219.740.794.196 |
| 5. Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 25 | | (514.180.451.626) | (87.974.798.868) |
| 6. Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác | 26 | | 404.022.941.627 | - |
| 7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia | 27 | V.5,VI.3 | 200.017.327.494 | 115.060.182.750 |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 30 | | (1.112.262.427.312) | 733.081.705.725 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

| CHỈ TIÊU | Mã số | Thuyết minh | | |
|--|-----------|-------------|--------------------------|--------------------------|
| | | | Năm nay | Năm trước |
| III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính | | | | |
| 1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu | 31 | V.28 | 62.814.960.000 | - |
| 2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành | 32 | | - | - |
| 3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được | 33 | V.19 | 5.018.927.637.931 | 4.377.385.218.438 |
| 4. Tiền chi trả nợ gốc vay | 34 | V.19 | (3.514.732.909.426) | (5.319.101.714.270) |
| 5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính | 35 | | - | - |
| 6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | 36 | V.28 | (90.284.550.675) | - |
| Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính | 40 | | 1.476.725.137.830 | (941.716.495.832) |
| Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 50 | | (36.463.553.197) | 18.521.504.445 |
| Tiền và tương đương tiền đầu năm | 60 | V.1 | 46.397.315.140 | 27.875.810.695 |
| Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 61 | | - | - |
| Tiền và tương đương tiền cuối năm | 70 | V.1 | 9.933.761.943 | 46.397.315.140 |

Đồng Tháp, ngày 03 tháng 3 năm 2015



Thư

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Thư

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng

Thư

Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Năm 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

- Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần.
- Lĩnh vực kinh doanh** : Sản xuất - chế biến, thương mại, dịch vụ.
- Ngành nghề kinh doanh** : Nuôi trồng thủy sản nội địa; Chế biến, bảo quản thủy sản và các sản phẩm từ thủy sản; Mua bán thủy hải sản; Mua bán máy móc thiết bị, hóa chất, nông sản thực phẩm, súc sản, nguyên vật liệu phục vụ sản xuất, chế biến thủy hải sản, chế biến thức ăn thủy hải sản; Sản xuất và mua bán thức ăn gia súc, gia cầm và thủy sản, thuốc thú y thủy sản.
- Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**
Lợi nhuận năm nay tăng đáng kể so với năm trước chủ yếu là do lợi nhuận từ bán Công ty con và lợi nhuận được chia từ các Công ty con.

Trong năm, Công ty đã phát hành thêm 30.801.240 cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu và 197.790 cổ phiếu ESOP cho nhân viên theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 14 tháng 5 năm 2014.

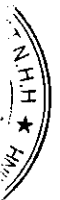
Ngoài ra, Công ty đã tái phát hành 1.198.750 cổ phiếu quỹ theo Biên bản họp Hội đồng quản trị ngày 16 tháng 7 năm 2014.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

- Năm tài chính**
Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.
- Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**
Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

- Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng**
Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính.

Ngày 22 tháng 12 năm 2014 Bộ Tài chính đã ban hành các thông tư sau:

- Thông tư số 200/2014/TT-BTC về hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp thay thế Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.
- Thông tư số 202/2014/TT-BTC về hướng dẫn lập Báo cáo tài chính hợp nhất thay thế cho các hướng dẫn liên quan đến lập Báo cáo tài chính hợp nhất tại Thông tư số 161/2007/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính.

Các quy định của các thông tư này được áp dụng cho việc ghi sổ, lập và trình bày Báo cáo tài chính từ năm 2015 trở đi.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

3. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

4. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 06 tháng đến dưới 01 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

| <u>Loại tài sản cố định</u> | <u>Số năm</u> |
|---------------------------------|---------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 06 - 25 |
| Máy móc và thiết bị | 03 - 10 |
| Phương tiện vận tải, truyền dẫn | 04 - 06 |
| Thiết bị, dụng cụ quản lý | 03 - 06 |

6. Tài sản thuê hoạt động

Công ty là bên đi thuê

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

7. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời gian giao đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phần mềm máy tính

Giá mua của phần mềm máy tính mà không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan thì được vốn hoá. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 04 - 05 năm.

8. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng các ao nuôi cá, mua sắm tài sản cố định và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

9. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

10. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận theo giá gốc. Tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

11. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ từ 02 - 03 năm.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất trả trước thể hiện khoản tiền thuê đất đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Tiền thuê đất được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê đất.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

12. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

13. Trợ cấp thôi việc

Công ty phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động làm việc thường xuyên tại Công ty từ đủ 12 tháng trở lên. Mức chi trả trợ cấp thôi việc bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 01 năm làm việc đối với thời gian người lao động không tham gia đóng bảo hiểm thất nghiệp.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra và có khả năng phải thanh toán khoản nợ đó. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính. Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên trong dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tiền lãi.

15. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

16. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

17. Trích lập các quỹ

Quỹ khen thưởng, phúc lợi nhằm mục đích khen thưởng, khuyến khích lợi ích vật chất, cải thiện và nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người lao động. Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

18. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

19. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nơi Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại hoặc tỷ giá mua vào bình quân của các ngân hàng thương mại nơi Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tỷ giá sử dụng để qui đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2013 : 21.036 VND/USD
31/12/2014 : 21.369 VND/USD

20. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều năm kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng năm.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

21. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Công ty gồm các nhóm: các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn, các khoản cho vay và phải thu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và có kỳ đáo hạn cố định mà Công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản cho vay và phải thu

Các khoản cho vay và phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dùng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá mua/chi phí phát hành cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

22. Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Công ty gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Giá trị phân bổ được xác định bằng giá trị ghi nhận ban đầu của nợ phải trả tài chính trừ đi các khoản hoàn trả gốc, cộng hoặc trừ các khoản phân bổ lũy kế tính theo phương pháp lãi suất thực tế của phần chênh lệch giữa giá trị ghi nhận ban đầu và giá trị đáo hạn, trừ đi các khoản giảm trừ (trực tiếp hoặc thông qua việc sử dụng một tài khoản dự phòng) do giảm giá trị hoặc do không thể thu hồi.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Phương pháp lãi suất thực tế là phương pháp tính toán giá trị phân bổ của một hoặc một nhóm nợ phải trả tài chính và phân bổ thu nhập lãi hoặc chi phí lãi trong kỳ có liên quan. Lãi suất thực tế là lãi suất chiết khấu các luồng tiền ước tính sẽ chi trả hoặc nhận được trong tương lai trong suốt vòng đời dự kiến của công cụ tài chính hoặc ngắn hơn, nếu cần thiết, trở về giá trị ghi sổ hiện tại thuần của nợ phải trả tài chính.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Công ty sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

23. Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Công ty:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

24. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

25. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.2.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|-----------------------------|------------------------------|
| Tiền mặt | 4.149.700.672 | 1.974.318.353 |
| Tiền gửi ngân hàng | 5.784.061.271 | 44.422.996.787 |
| Cộng | <u>9.933.761.943</u> | <u>46.397.315.140</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

2. Đầu tư ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|---------------------------------|------------------------------|
| Tiền gửi có kỳ hạn từ 03 tháng đến dưới 01 năm (*) | 802.451.008.141 | 240.977.578 |
| Cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 vay | 104.259.791.129 | 38.666.684.400 |
| Cho Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 vay | 261.400.000.000 | - |
| Cộng | <u>1.168.110.799.270</u> | <u>38.907.661.978</u> |

(*) Tiền gửi có kỳ hạn trị giá 330 tỷ VNĐ đã được dùng cầm cố để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

3. Phải thu khách hàng

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Các khách hàng trong nước | 88.884.088.508 | 23.728.781.887 |
| Các khách hàng nước ngoài | 900.774.753.630 | 521.712.113.859 |
| Cộng | <u>989.658.842.138</u> | <u>545.440.895.746</u> |

Một số khoản phải thu khách hàng có giá trị là 120 tỷ VNĐ đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

4. Trả trước cho người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Các nhà cung cấp tài sản cố định (*) | 34.302.056.629 | 23.777.737.898 |
| Các nhà cung cấp nguyên vật liệu | 11.321.440.271 | 2.573.710.871 |
| Cộng | <u>45.623.496.900</u> | <u>26.351.448.769</u> |

(*) Trong đó, khoản tiền thanh toán để nhận chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại vùng nuôi Vĩnh Hòa và vùng nuôi Hòa Hưng với số tiền lần lượt là 15.664.600.000 VNĐ và 6.781.450.000 VNĐ.

5. Các khoản phải thu khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|------------------------------|------------------------------|
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 - lãi cho vay phải thu | 6.722.883.334 | - |
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - phải thu tiền cổ tức | - | 6.995.004.000 |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 - lãi cho vay phải thu | 246.245.391 | 821.750.103 |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức - tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 485.771.094 | 533.043.825 |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang - tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 18.101.168.778 | - |
| Công ty TNHH một thành viên Tổng Công ty Lương thực miền Nam - tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 5.668.963.950 | 3.235.336.800 |
| Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng | 10.287.401.389 | - |
| Phải thu khác | 410.316.789 | 18.008.186 |
| Cộng | <u>41.922.750.725</u> | <u>11.603.142.914</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Dự phòng cho các khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.

7. Hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-------------------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Hàng mua đang đi đường | - | 11.133.839.418 |
| Nguyên vật liệu | 55.703.886.927 | 63.783.349.502 |
| Công cụ, dụng cụ | 1.710.482.886 | 2.914.268.859 |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang | 501.354.819.593 | 394.931.301.942 |
| Thành phẩm | 227.825.768.612 | 333.709.391.170 |
| Hàng hóa | - | 7.974.002 |
| Hàng gửi đi bán | 23.710.934.849 | 7.293.225.742 |
| Cộng | <u>810.305.892.867</u> | <u>813.773.350.635</u> |

Một số hàng hóa trong kho có giá trị là 45 tỷ VND đã được thế chấp cho khoản vay tại Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam).

8. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------|------------------------------|------------------------------|
| Nguyên liệu, vật liệu | 7.269.631.066 | - |
| Thành phẩm | 35.169.365.383 | 57.179.357.401 |
| Cộng | <u>42.438.996.449</u> | <u>57.179.357.401</u> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

| | |
|--------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 57.179.357.401 |
| Hoàn nhập dự phòng | (14.740.360.952) |
| Số cuối năm | <u>42.438.996.449</u> |

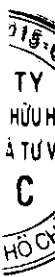
9. Chi phí trả trước ngắn hạn

Chi phí công cụ, dụng cụ.

10. Tài sản ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Tạm ứng (*) | 27.034.117.088 | 21.653.795.107 |
| Ký quỹ, ký cược ngắn hạn | - | 369.106.000 |
| Cộng | <u>27.034.117.088</u> | <u>22.022.901.107</u> |

(*) Trong đó, khoản tạm ứng cho các cá nhân để mua đất tại các vùng nuôi với tổng số tiền là 21.218.521.934 VND. Hiện tại, các vùng nuôi này đang trong giai đoạn hoàn tất các thủ tục chuyển nhượng nhưng đã đưa vào khai thác.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**11. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc và thiết bị | Phương tiện vận tải, truyền dẫn | Thiết bị, dụng cụ quản lý | Cộng |
|--|---------------------------|------------------------|---------------------------------------|---------------------------------|------------------------|
| Nguyên giá | | | | | |
| Số đầu năm | 292.997.620.395 | 387.383.665.180 | 13.543.749.679 | 1.175.121.010 | 695.100.156.264 |
| Mua sắm mới | 3.072.753.444 | 11.952.766.977 | 3.687.909.091 | 266.825.500 | 18.980.255.012 |
| Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành | 24.025.605.519 | 5.695.596.725 | - | - | 29.721.202.244 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (622.560.600) | (381.243.810) | - | (1.003.804.410) |
| Số cuối năm | 320.095.979.358 | 404.409.468.282 | 16.850.414.960 | 1.441.946.510 | 742.797.809.110 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | 24.886.246.868 | 94.244.630.421 | 3.486.141.719 | 971.821.010 | 123.588.840.018 |
| Giá trị hao mòn | | | | | |
| Số đầu năm | 84.895.605.660 | 263.602.778.249 | 6.122.763.403 | 1.001.371.830 | 355.622.519.142 |
| Khấu hao trong năm | 32.999.253.951 | 51.894.244.882 | 2.264.590.598 | 177.632.264 | 87.335.721.695 |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (127.747.560) | (381.243.810) | - | (508.991.370) |
| Phân loại lại | - | (582.226.657) | 582.226.657 | - | - |
| Số cuối năm | 117.894.859.611 | 314.787.048.914 | 8.588.336.848 | 1.179.004.094 | 442.449.249.467 |
| Giá trị còn lại | | | | | |
| Số đầu năm | 208.102.014.735 | 123.780.886.931 | 7.420.986.276 | 173.749.180 | 339.477.637.122 |
| Số cuối năm | 202.201.119.747 | 89.622.419.368 | 8.262.078.112 | 262.942.416 | 300.348.559.643 |
| <i>Trong đó:</i> | | | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - | - | - |

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 89.268.413.254 VND và 2.268.150.370 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

12. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

| | Quyền sử dụng đất | Phần mềm máy tính | Cộng |
|--|-----------------------|----------------------|-----------------------|
| Nguyên giá | | | |
| Số đầu năm | 51.081.942.450 | 705.229.790 | 51.787.172.240 |
| Mua trong năm | 5.126.117.900 | 136.720.000 | 5.262.837.900 |
| Số cuối năm | 56.208.060.350 | 841.949.790 | 57.050.010.140 |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng | - | 540.229.790 | 540.229.790 |
| Giá trị hao mòn | | | |
| Số đầu năm | 1.136.594.355 | 573.820.440 | 1.710.414.795 |
| Khấu hao trong năm | 280.896.461 | 58.581.352 | 339.477.813 |
| Số cuối năm | 1.417.490.816 | 632.401.792 | 2.049.892.608 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Quyền sử dụng đất</u> | <u>Phần mềm máy tính</u> | <u>Cộng</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Giá trị còn lại | | | |
| Số đầu năm | <u>49.945.348.095</u> | <u>131.409.350</u> | <u>50.076.757.445</u> |
| Số cuối năm | <u>54.790.569.534</u> | <u>209.547.998</u> | <u>55.000.117.532</u> |
| <i>Trong đó:</i> | | | |
| Tạm thời chưa sử dụng | - | - | - |
| Đang chờ thanh lý | - | - | - |

Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn theo giá trị sổ sách là 3.886.411.100 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh.

13. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Kết chuyển vào TSCĐ trong năm</u> | <u>Kết chuyển giảm khác</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|---|------------------------------|--|--|---------------------------------|------------------------------|
| Mua sắm TSCĐ | 45.602.468.000 | 25.152.872.502 | (9.535.992.440) | - | 61.219.348.062 |
| XDCB dở dang | 5.004.843.819 | 28.153.799.106 | (29.721.202.244) | (533.676.500) | 2.903.764.181 |
| <i>Chi phí cho các ao nuôi cá</i> | <i>2.513.617.322</i> | <i>24.666.872.735</i> | <i>(26.517.920.460)</i> | <i>(533.676.500)</i> | <i>128.893.097</i> |
| <i>Xây dựng cơ bản dở dang khác</i> | <i>2.491.226.497</i> | <i>3.486.926.371</i> | <i>(3.203.281.784)</i> | <i>-</i> | <i>2.774.871.084</i> |
| Cộng | <u>50.607.311.819</u> | <u>53.306.671.608</u> | <u>(39.257.194.684)</u> | <u>(533.676.500)</u> | <u>64.123.112.243</u> |

14. Đầu tư vào công ty con

| | <u>Số cuối năm</u> | | <u>Số đầu năm</u> | |
|--|--------------------|-------------------------------|-------------------|-------------------------------|
| | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> | <u>Số lượng</u> | <u>Giá trị</u> |
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 ⁽ⁱ⁾ | - | - | 6.945.375 | 52.003.709.506 |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) ⁽ⁱⁱ⁾ | | 8.651.533.184 | | 8.651.533.184 |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | | 99.300.000.000 | | 99.300.000.000 |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 ^(iv) | | 311.000.000 | | 305.000.000 |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 ^(v) | 8.500.000 | 85.000.000.000 | 6.797.180 | 67.971.798.868 |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang ^(vi) | 25.302.396 | 356.600.000.000 | | - |
| Cộng | | <u>549.862.533.184</u> | | <u>228.232.041.558</u> |

(i) Trong năm Công ty đã bán khoản đầu tư vào Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1.

(ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 34473 ngày 19 tháng 01 năm 2007 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi số BUS09-03694 ngày 30 tháng 11 năm 2009 do Bang California, Hoa Kỳ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) 100% vốn điều lệ với số tiền là USD 499,912.00.

(iii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401420853 ngày 27 tháng 7 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 06 ngày 30 tháng 9 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, Công ty đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 số tiền 99.300.000.000 VND, tương đương 99,30% vốn điều lệ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (iv) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401493918 ngày 21 tháng 9 năm 2011, đăng ký thay đổi lần 01 ngày 17 tháng 4 năm 2012 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 72.000.000.000 VND, tương đương 90% vốn điều lệ. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 311.000.000 VND. Vốn điều lệ còn phải đầu tư vào Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 là 71.689.000.000 VND.
- (v) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1401587429 ngày 02 tháng 12 năm 2011, thay đổi lần 04 ngày 22 tháng 5 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp, vốn góp của Công ty vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 là 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ. Trong năm Công ty đã đầu tư thêm 17.028.201.132 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã đầu tư 85.000.000.000 VND, tương đương 85% vốn điều lệ (số đầu năm là 67.971.798.868 VND, tương đương 97% vốn điều lệ).
- (vi) Trong năm Công ty đã mua 25.302.396 cổ phiếu của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang với giá mua là 356.600.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty nắm giữ 25.302.396 cổ phiếu, tương đương 99,06% vốn điều lệ của Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang.

Năm 2012 Công ty đã thành lập Công ty con: Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 140171196 ngày 05 tháng 4 năm 2012). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

Trong năm 2014 Công ty đã thành lập Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang (Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 6300254158 ngày 11 tháng 12 năm 2014). Việc góp vốn vào Công ty trên chưa được thực hiện.

15. Đầu tư dài hạn khác

Cho vay vốn trong thời hạn 30 tháng.

16. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Dự phòng đầu tư khoản lỗ của các Công ty con.

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Công ty TNHH Lương thực Vĩnh Hoàn 2 | 32.828.919.331 | 20.362.213.861 |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | - | 19.148.931.121 |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 | 8.236.412.029 | 543.397.843 |
| Cộng | <u>41.065.331.360</u> | <u>40.054.542.825</u> |

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | |
|----------------------------|------------------------------|
| Số đầu năm | 40.054.542.825 |
| Trích lập dự phòng bổ sung | 1.010.788.535 |
| Số cuối năm | <u>41.065.331.360</u> |

17. Chi phí trả trước dài hạn

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Chi phí phát sinh trong năm</u> | <u>Phân bổ vào chi phí trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|----------------------------------|------------------------------|------------------------------------|--------------------------------------|------------------------------|
| Công cụ, dụng cụ và chi phí khác | 38.445.648.059 | 16.795.145.109 | (16.576.028.679) | 38.664.764.489 |
| Tiền thuê đất | 7.393.357.751 | 342.270.000 | (2.045.658.571) | 5.689.969.180 |
| Cộng | <u>45.839.005.810</u> | <u>17.137.415.109</u> | <u>(18.621.687.250)</u> | <u>44.354.733.669</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

18. Tài sản dài hạn khác

Các khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

19. Vay và nợ ngắn hạn

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh khu vực Đồng Tháp – An Giang | - | 3.200.000.000 |
| Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp ⁽ⁱ⁾ | 79.595.934.429 | - |
| Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh ⁽ⁱⁱ⁾ | 1.528.475.299.894 | 250.222.846.926 |
| Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) ⁽ⁱⁱⁱ⁾ | 159.473.821.089 | - |
| Cộng | <u>1.767.545.055.412</u> | <u>253.422.846.926</u> |

(i) Khoản vay không có tài sản bảo đảm Ngân hàng thương mại cổ phần công thương Việt Nam – Chi nhánh Đồng Tháp để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ.

(ii) Khoản vay Ngân hàng thương mại cổ phần ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP. Hồ Chí Minh để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc cầm cố một số tài khoản tiền gửi có kỳ hạn; thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản cố định thuộc phân xưởng 1 và phân xưởng 2 (xem thuyết minh V.2, V.11 và V.12).

(iii) Khoản vay Ngân hàng TNHH một thành viên HSBC (Việt Nam) để bổ sung vốn lưu động với lãi suất được quy định theo từng lần nhận nợ. Khoản vay này được đảm bảo bằng việc thế chấp các khoản phải thu và hàng tồn kho (xem thuyết minh V.3 và V.7).

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ ngắn hạn:

| | |
|-------------------------------------|---------------------------------|
| Số đầu năm | 253.422.846.926 |
| Số tiền vay phát sinh | 5.018.927.637.931 |
| Số tiền vay đã trả | (3.514.732.909.426) |
| Đánh giá chênh lệch tỷ giá cuối năm | 9.927.479.981 |
| Số cuối năm | <u>1.767.545.055.412</u> |

20. Phải trả người bán

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|-----------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Các nhà cung cấp trong nước | 144.807.390.469 | 240.545.188.778 |
| Các nhà cung cấp nước ngoài | 2.023.483.856 | 2.250.849.452 |
| Cộng | <u>146.830.874.325</u> | <u>242.796.038.230</u> |

21. Người mua trả tiền trước

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---------------------------|-----------------------------|-----------------------------|
| Các khách hàng trong nước | 2.661.753.048 | 643.144.517 |
| Các khách hàng nước ngoài | 5.597.524.505 | 4.890.485.421 |
| Cộng | <u>8.259.277.553</u> | <u>5.533.629.938</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

22. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | Số đầu năm | Số phải nộp trong năm | Số đã nộp trong năm | Số cuối năm |
|------------------------------|----------------------|------------------------|--------------------------|----------------------|
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | - | - | - | - |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu (*) | - | 7.795.962.882 | (7.850.353.096) | (54.390.214) |
| Thuế xuất, nhập khẩu (*) | (127.746.901) | 598.651.108 | (1.157.359.705) | (686.455.498) |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp | 9.248.089.195 | 107.922.491.086 | (108.803.884.059) | 8.366.696.222 |
| Thuế thu nhập cá nhân | 558.309.905 | 6.326.809.518 | (5.512.917.739) | 1.372.201.684 |
| Tiền thuế đất | - | 3.191.321.075 | (3.191.321.075) | - |
| Các loại thuế khác | - | 1.731.398.192 | (1.731.398.192) | - |
| Cộng | 9.678.652.199 | 127.566.633.861 | (128.247.233.866) | 8.998.052.194 |

(*) Các khoản thuế nộp thừa được trình bày ở chỉ tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước.

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng cho từng mặt hàng như sau:

| | |
|--|-----|
| - Hàng thủy sản xuất khẩu | 0% |
| - Mặt hàng thức ăn thủy sản | 05% |
| - Hàng thủy sản đã qua chế biến nội tiêu, vật tư bao bì, phí ủy thác xuất khẩu | 10% |

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 22% (năm trước thuế suất là 25%).

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

| | Năm nay | Năm trước |
|--|-------------------|------------------|
| Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 682.181.169.761 | 167.579.963.756 |
| Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp: | | |
| - Các khoản điều chỉnh tăng | 5.567.255.655 | 2.531.004.298 |
| - Các khoản điều chỉnh giảm | (5.190.391.387) | (28.487.939.233) |
| Thu nhập chịu thuế | 682.558.034.029 | 141.623.028.821 |
| Thu nhập được miễn thuế | (192.350.120.000) | - |
| Thu nhập tính thuế | 490.207.914.029 | 141.623.028.821 |
| Trong đó: | | |
| - Thu nhập của hoạt động được ưu đãi (giảm 50%) | - | 7.861.856.525 |
| - Thu nhập của hoạt động không được ưu đãi | 490.207.914.029 | 133.761.172.296 |
| Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp | 22% | 25% |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp dự tính phải nộp | 107.845.741.086 | 35.405.757.205 |
| Thuế thu nhập doanh nghiệp được giảm | - | (982.732.066) |
| Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước | 76.750.000 | - |
| Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành | 107.922.491.086 | 34.423.025.139 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo qui định.

23. Phải trả người lao động

Lương tháng 12 và lương tháng 13 còn phải trả nhân viên.

24. Chi phí phải trả

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--------------------|----------------------|----------------------|
| Chi phí lãi vay | - | 237.711.705 |
| Chi phí vận chuyển | 3.154.890.000 | 1.686.503.582 |
| Chi phí khác | 3.750.130.932 | 3.114.295.764 |
| Cộng | 6.905.020.932 | 5.038.511.051 |

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|--|-----------------------|------------------------|
| Cổ tức phải trả | 52.953.825 | 28.260.000 |
| Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp, kinh phí công đoàn | 10.120.610.146 | 7.549.230.208 |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | - | 3.975.834.292 |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 52.143.664.972 | 92.059.995.316 |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 – phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 9.603.202.410 | 58.487.601.640 |
| Công ty cổ phần thức ăn thủy sản Vĩnh Hoàn 1 - tiền thu hộ | - | 784.900.109 |
| Các khoản phải trả khác | 26.008.748.901 | 1.186.147.889 |
| Cộng | 97.929.180.254 | 164.071.969.454 |

26. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng chi phí của vụ kiện chống bán phá giá tại Mỹ.

27. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

| | <u>Số đầu năm</u> | <u>Tăng do trích lập từ lợi nhuận</u> | <u>Chi quỹ trong năm</u> | <u>Số cuối năm</u> |
|-----------------|-----------------------|---------------------------------------|--------------------------|-----------------------|
| Quỹ khen thưởng | 56.835.112.346 | 10.000.000.000 | (10.342.506.820) | 56.492.605.526 |
| Quỹ phúc lợi | 3.628.450.695 | - | (2.773.212.677) | 855.238.018 |
| Cộng | 60.463.563.041 | 10.000.000.000 | (13.115.719.497) | 57.347.843.544 |

28. Vốn chủ sở hữu

Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

| | <u>Vốn đầu tư của chủ sở hữu</u> | <u>Thặng dư vốn cổ phần</u> | <u>Cổ phiếu quỹ</u> | <u>Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối</u> | <u>Cộng</u> |
|---------------------------------------|----------------------------------|-----------------------------|-------------------------|--|--------------------------|
| Số dư đầu năm trước | 475.112.730.000 | 190.492.000.000 | (36.897.215.355) | 591.274.509.283 | 1.219.982.023.928 |
| Lợi nhuận năm trước | - | - | - | 133.156.938.617 | 133.156.938.617 |
| Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu | 138.936.400.000 | - | - | (138.936.400.000) | - |
| Trích các quỹ | - | - | - | (19.731.501.733) | (19.731.501.733) |
| Số dư cuối năm trước | 614.049.130.000 | 190.492.000.000 | (36.897.215.355) | 565.763.546.167 | 1.333.407.460.812 |



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | Vốn đầu tư của chủ sở hữu | Thặng dư vốn cổ phần | Cổ phiếu quỹ | Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối | Cộng |
|--|------------------------------|-------------------------|------------------|---|--------------------------|
| Số dư đầu năm nay | 614.049.130.000 | 190.492.000.000 | (36.897.215.355) | 565.763.546.167 | 1.333.407.460.812 |
| Lợi nhuận trong năm | - | - | - | 574.258.678.675 | 574.258.678.675 |
| Tăng vốn do chia cổ tức bằng cổ phiếu | 308.012.400.000 | - | - | (308.012.400.000) | - |
| Tăng vốn do phát hành cổ phiếu thường cho nhân viên | 1.977.900.000 | - | - | (1.977.900.000) | - |
| Tái phát hành cổ phiếu quỹ | - | 25.917.744.645 | 36.897.215.355 | - | 62.814.960.000 |
| Chia cổ tức | - | - | - | (90.309.244.500) | (90.309.244.500) |
| Trích các quỹ trong năm | - | - | - | (10.000.000.000) | (10.000.000.000) |
| Số dư cuối năm nay | 924.039.430.000 | 216.409.744.645 | - | 729.722.680.342 | 1.870.171.854.987 |

- (*) Trong năm, Công ty đã phát hành cổ phiếu để chia cổ tức cho các cổ đông hiện hữu với tỷ lệ 50% theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên ngày 14 tháng 5 năm 2014 và phát hành cổ phiếu ESOP cho nhân viên. Trên cơ sở đó, Công ty đã ghi nhận tăng vốn đầu tư của chủ sở hữu và giảm lợi nhuận sau thuế chưa phân phối 309.990.300.000 VND. Ngày 11 tháng 12 năm 2014 Công ty đã nhận được Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần 08 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Tháp cấp về việc tăng vốn điều lệ lên 924.039.430.000 VND.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả trong năm là 90.284.550.675 VND.

Cổ phiếu

| | Số cuối năm | Số đầu năm |
|--|-------------|------------|
| Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành | 92.403.943 | 61.404.913 |
| Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng | 92.403.943 | 61.404.913 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 92.403.943 | 61.404.913 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu được mua lại | - | 1.198.750 |
| - Cổ phiếu phổ thông | - | 1.198.750 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 92.403.943 | 60.206.163 |
| - Cổ phiếu phổ thông | 92.403.943 | 60.206.163 |
| - Cổ phiếu ưu đãi | - | - |

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

| | Năm nay | Năm trước |
|---------------------------------|-------------------|-------------------|
| Tổng doanh thu | 5.043.695.501.990 | 4.349.410.027.432 |
| - Doanh thu bán hàng hóa | 736.522.578.363 | 912.439.181.899 |
| - Doanh thu bán thành phẩm | 3.582.793.382.744 | 2.835.303.258.324 |
| - Doanh thu bán nguyên vật liệu | 7.672.765.189 | 8.846.008.196 |
| - Doanh thu bán phụ phẩm | 658.950.080.299 | 529.463.490.767 |
| - Doanh thu cung cấp dịch vụ | 57.756.695.395 | 63.358.088.246 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|---------------------------------|---------------------------------|
| Các khoản giảm trừ doanh thu: | (7.665.955.244) | (9.970.397.459) |
| - Giảm giá hàng bán | (1.606.217.771) | (2.762.178.639) |
| - Hàng bán bị trả lại | (6.059.737.473) | (7.208.218.820) |
| Doanh thu thuần | <u>5.036.029.546.746</u> | <u>4.339.439.629.973</u> |
| Trong đó: | | |
| - Doanh thu thuần bán hàng hóa | 736.522.578.363 | 912.431.521.099 |
| - Doanh thu thuần bán thành phẩm | 3.575.216.255.951 | 2.827.173.385.665 |
| - Doanh thu thuần bán nguyên vật liệu | 7.672.765.189 | 8.846.008.196 |
| - Doanh thu thuần bán phụ phẩm | 658.861.251.848 | 527.630.626.767 |
| - Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ | 57.756.695.395 | 63.358.088.246 |
| 2. Giá vốn hàng bán | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Giá vốn hàng hóa | 703.985.938.331 | 878.371.873.334 |
| Giá vốn thành phẩm | 3.163.902.508.765 | 2.535.216.998.260 |
| Giá vốn nguyên liệu | 8.313.988.066 | 10.360.773.504 |
| Giá vốn phụ phẩm | 603.092.513.820 | 494.156.530.043 |
| Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | (14.740.360.952) | (6.233.477.231) |
| Cộng | <u>4.464.554.588.030</u> | <u>3.911.872.697.910</u> |
| 3. Doanh thu hoạt động tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Lãi tiền gửi có kỳ hạn | 16.706.211.119 | 67.214.166.858 |
| Lãi tiền gửi không kỳ hạn | 216.971.228 | 150.779.189 |
| Cổ tức, lợi nhuận được chia | 174.900.080.000 | 17.487.510.000 |
| Lãi tiền cho vay | 11.456.678.444 | 11.839.395.231 |
| Lãi ứng trước tiền mua nguyên vật liệu | 7.010.270.391 | 8.084.392.029 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 26.739.159.886 | 12.777.799.371 |
| Chuyển nhượng công ty con | 227.543.231.768 | - |
| Trong đó: | | |
| - Lãi chuyển nhượng cổ phần công ty con không bao gồm cổ phiếu thương | 210.093.191.768 | - |
| - Cổ tức nhận bằng cổ phiếu | 17.450.040.000 | - |
| Cộng | <u>464.572.602.836</u> | <u>117.554.042.678</u> |
| 4. Chi phí tài chính | | |
| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
| Chi phí lãi vay | 27.354.622.597 | 61.367.838.445 |
| Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 1.010.788.535 | 29.054.113.592 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện | 17.323.898.087 | 12.895.113.329 |
| Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện | 4.737.088.594 | - |
| Chi phí chuyển nhượng công ty con | 16.070.250.141 | - |
| Cộng | <u>66.496.647.954</u> | <u>103.317.065.366</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

5. Chi phí bán hàng

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|-------------------------------|-------------------------------|
| Chi phí nhân viên | 8.495.400.413 | 6.323.312.493 |
| Chi phí dụng cụ, đồ dùng | 41.724.800 | - |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 157.241.932 | 132.649.226 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 143.434.395.714 | 138.669.509.674 |
| Chi phí khác | 79.082.767.455 | 93.305.416.840 |
| Cộng | <u>231.211.530.314</u> | <u>238.430.888.233</u> |

6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Chi phí nhân viên quản lý | 21.641.113.320 | 17.576.570.650 |
| Chi phí đồ dùng văn phòng | 2.158.403.923 | 1.088.343.550 |
| Chi phí khấu hao TSCĐ | 7.840.089.511 | 5.909.659.892 |
| Thuế, phí và lệ phí | 4.633.062.990 | 1.841.742.319 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 261.600.000 | 387.430.864 |
| Chi phí khác | 15.474.844.616 | 17.539.197.068 |
| Cộng | <u>52.009.114.360</u> | <u>44.342.944.343</u> |

7. Thu nhập khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------------------|------------------------------|
| Thu tiền thanh lý, nhượng bán tài sản cố định | 520.615.000 | 547.615.000 |
| Các khoản nợ không phải trả | 60.195.099 | 769.204.074 |
| Thu nhập khác | 1.277.397.451 | 10.757.104.729 |
| Cộng | <u>1.858.207.550</u> | <u>12.073.923.803</u> |

8. Chi phí khác

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------------------|-----------------------------|
| Giá trị còn lại của tài sản cố định thanh lý, nhượng bán | 494.813.040 | 175.742.373 |
| Thuế bị phạt, bị truy thu | 48.183.884 | 17.048.905 |
| Chi phí khác | 5.464.309.789 | 3.331.245.568 |
| Cộng | <u>6.007.306.713</u> | <u>3.524.036.846</u> |

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Công ty không tính chỉ tiêu này trên Báo cáo tài chính riêng vì theo quy định tại Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 30 “Lãi trên cổ phiếu”, trường hợp doanh nghiệp phải lập cả Báo cáo tài chính riêng và Báo cáo tài chính hợp nhất thì chỉ phải trình bày thông tin về lãi trên cổ phiếu theo quy định của chuẩn mực này trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|----------------------------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Chi phí nguyên liệu, vật liệu | 2.495.992.624.572 | 1.881.384.120.642 |
| Chi phí nhân công | 370.489.111.269 | 293.978.442.571 |
| Chi phí khấu hao tài sản cố định | 87.675.199.508 | 80.554.010.723 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 367.842.525.025 | 422.505.735.798 |
| Chi phí khác | 137.116.983.233 | 154.256.962.094 |
| Cộng | <u>3.459.116.443.607</u> | <u>2.832.679.271.828</u> |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Trong năm, Công ty phát sinh các giao dịch liên quan đến tài sản cố định và các giao dịch không bằng tiền như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| Mua tài sản cố định bằng cách nhận các khoản nợ | 1.092.761.277 | 2.261.682.268 |
| Ứng trước tiền mua tài sản cố định | 34.302.056.629 | 23.777.737.898 |
| Tăng vốn bằng cổ tức | 309.990.300.000 | 138.936.400.000 |

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Các khoản cam kết

Cam kết bảo lãnh

Tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty có cam kết bảo lãnh cho Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 để nhận các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với số tiền cam kết bảo lãnh là 200 tỷ đồng và bảo lãnh trả nợ thay với số dư nợ vay là 63.546.765.919 VND.

Ngoài ra, Công ty còn cam kết bảo lãnh cho Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang để nhận các khoản vay tại Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh TP.Hồ Chí Minh với số dư nợ gốc tối đa là 100 tỷ VND và tiền lãi cùng các nghĩa vụ tài chính phát sinh từ số nợ gốc này.

2. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Tại ngày 01 tháng 01 năm 2015, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng 85% vốn của Công ty vào Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Hoa Kỳ với giá chuyển nhượng là USD 425,000.00 theo Hợp đồng chuyển nhượng vốn đã ký kết với bên mua vào ngày 15 tháng 8 năm 2014.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-----------------|------------------|
| <i>Hội đồng quản trị và Ban điều hành</i> | | |
| Mua cổ phần | 356.600.000.000 | - |
| Mượn tiền | - | 12.000.000.000 |
| <i>Các cá nhân có liên quan</i> | | |
| Mua nguyên vật liệu | 15.924.292.360 | 8.728.045.580 |
| Bán hàng hóa | - | 286.575.046 |

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------------------|----------------------|--------------------|
| Hội đồng quản trị và Ban điều hành | 419.499.372 | 20.000.000 |
| Các cá nhân có liên quan | 4.500.000.000 | - |
| Cộng nợ phải thu | 4.919.499.372 | 20.000.000 |
| Các cá nhân có liên quan | - | 825.795.280 |
| Cộng nợ phải trả | - | 825.795.280 |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt trong năm là 9.766.712.092 VND (năm trước là 5.562.601.000 VND).

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

| <u>Bên liên quan</u> | <u>Mối quan hệ</u> |
|--|--|
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | Công ty con |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | Công ty con |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 3 | Công ty con |
| Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn 4 | Công ty con |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 | Công ty con |
| Công ty TNHH một thành viên Vĩnh Hoàn Hậu Giang | Công ty con |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | Công ty con |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức | Công ty do người có liên quan với Chủ tịch HĐQT Công ty tham gia góp vốn |

Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|---|-------------------|-------------------|
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | | |
| Mua hàng hóa | 34.555.814.971 | 2.256.185.386 |
| Mua tài sản cố định | 841.904.000 | - |
| Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu | 30.816.473.192 | 34.022.324.301 |
| Bán hàng hóa | 87.736.654.515 | 25.977.818.600 |
| Bán tài sản | 392.615.000 | - |
| Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 289.112.011.730 | 282.100.941.361 |
| Cho vay ngắn hạn | 254.900.000.000 | 232.452.930.167 |
| Lãi cho vay ngắn hạn | 4.117.658.661 | 10.802.174.960 |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | | |
| Bán thành phẩm, hàng hóa | 2.069.838.847.472 | 1.424.871.107.028 |
| Bán hàng ủy thác xuất khẩu | 473.871.082.325 | 324.952.815.094 |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | - | 26.774.200 |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 | | |
| Bán hàng hóa, dịch vụ | 205.655.448 | 147.486.743 |
| Cho vay ngắn hạn | 266.900.000.000 | - |
| Lãi cho vay ngắn hạn | 6.722.883.334 | - |
| Cho mượn tiền | 1.000.000.000 | - |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức | | |
| Mua hàng hóa, dịch vụ | 5.704.544.568 | 15.220.293.850 |
| Bán hàng hóa, nguyên vật liệu, dịch vụ | 338.087.257 | 3.946.682.849 |
| Bán thành phẩm | 8.345.529.858 | 7.333.632.440 |
| Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu | 4.699.886.679 | 6.925.802.687 |
| Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 8.982.752.271 | 21.175.449.035 |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Bán nguyên vật liệu, hàng hóa | 120.079.787.489 | 1.985.441.523 |
| Giá trị hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 777.113.187.595 | 571.859.214.216 |
| Giá trị hàng giao ủy thác xuất khẩu | 18.284.521.758 | - |

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|--|-----------------|------------------|
| Mua nguyên vật liệu, hàng hóa | 102.202.289.349 | 110.092.097.087 |
| Phải thu lãi ứng tiền hàng | - | 224.913.780 |
| Doanh thu phí cung cấp dịch vụ ủy thác xuất khẩu | 25.663.779.731 | 28.012.611.820 |

Giá hàng hóa và dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thỏa thuận.

Ngoài ra, Công ty còn nhận bảo lãnh cho các bên liên quan (xem thuyết minh VIII.1).

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|---|---------------------------------|-------------------------------|
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | | |
| Phải thu tiền cho vay | 104.259.791.129 | 38.666.684.400 |
| Phải thu lãi cho vay | 246.245.391 | 821.750.103 |
| Phải thu tiền cung cấp dịch vụ | 3.935.743.333 | 5.161.777.532 |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | | |
| Phải thu tiền hàng | 780.129.792.954 | 370.249.755.654 |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn Collagen 5 | | |
| Phải thu tiền bán hàng hóa, dịch vụ | 160.220.994 | 129.235.417 |
| Phải thu tiền cho vay | 261.400.000.000 | - |
| Phải thu lãi cho vay | 6.722.883.334 | - |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức | | |
| Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 485.771.094 | 533.043.825 |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Phải thu tiền hàng và phí ủy thác xuất khẩu | 39.591.540.872 | - |
| Phải thu tiền hàng ủy thác xuất khẩu | 18.101.168.778 | - |
| Cộng nợ phải thu | <u>1.215.033.157.879</u> | <u>415.562.246.931</u> |
| Công ty cổ phần Vĩnh Hoàn (Hoa Kỳ) | | |
| Phải trả tiền chi hộ | 1.893.240 | 1.893.240 |
| Công ty TNHH lương thực Vĩnh Hoàn 2 | | |
| Phải trả tiền hàng nhận xuất khẩu ủy thác | 9.603.202.410 | 58.487.601.640 |
| Công ty TNHH thực phẩm Vạn Đức | | |
| Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | - | 3.975.834.292 |
| Phải trả tiền hàng | 276.588 | 2.556.362.241 |
| Công ty cổ phần thực phẩm xuất khẩu Vạn Đức Tiền Giang | | |
| Phải trả tiền hàng nhận ủy thác xuất khẩu | 52.143.664.972 | 92.059.995.316 |
| Phải trả tiền hàng | - | 6.318.544.967 |
| Cộng nợ phải trả | <u>61.749.037.210</u> | <u>163.400.231.696</u> |

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

4. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực thủy sản. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khu vực địa lý

Hoạt động của Công ty được phân bố chủ yếu ở trong nước và xuất khẩu.

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

| | <u>Năm nay</u> | <u>Năm trước</u> |
|-------------|---------------------------------|---------------------------------|
| Xuất khẩu | 3.810.459.565.648 | 3.232.213.864.933 |
| Trong nước | 1.225.569.981.098 | 1.107.225.765.040 |
| Cộng | <u>5.036.029.546.746</u> | <u>4.339.439.629.973</u> |

Công ty không thực hiện theo dõi các thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng.

5. Thuê hoạt động

Các hợp đồng di thuê

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động sẽ được thanh toán như sau:

| | <u>Số cuối năm</u> | <u>Số đầu năm</u> |
|------------------------|------------------------------|------------------------------|
| Từ 01 năm trở xuống | 2.306.853.198 | 2.969.689.556 |
| Trên 01 năm đến 05 năm | 23.876.604.010 | 4.836.035.856 |
| Trên 05 năm | 35.410.869.998 | 11.797.923.003 |
| Cộng | <u>61.594.327.206</u> | <u>19.603.648.415</u> |

Công ty thuê văn phòng chi nhánh tại TP.Hồ Chí Minh, bãi bồi cồn Bình Thạnh, cồn Ngâm và thuê đất dưới hình thức thuê hoạt động.

6. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Công ty phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu các rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng và cho vay.

Phải thu khách hàng

Để quản lý nợ phải thu khách hàng, Tổng Giám đốc đã ban hành qui chế bán hàng với các qui định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời hạn nợ một cách cụ thể. Hàng tháng, Tổng Giám đốc thực hiện kiểm tra việc tuân thủ qui chế bán hàng này. Ngoài ra, nhân viên phòng kế toán thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Khoản phải thu khách hàng của Công ty liên quan đến nhiều đơn vị hoạt động trong các lĩnh vực và các khu vực địa lý khác nhau nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Công ty được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho công ty con và cá nhân vay tiền. Các đơn vị và cá nhân này đều có uy tín và khả năng thanh toán tốt nên rủi ro tín dụng đối với các khoản cho vay là thấp.

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.6 về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

| | Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá | Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá | Đã quá hạn nhưng không giảm giá | Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá | Cộng |
|---|---|--------------------------------------|---------------------------------------|--------------------------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.933.761.943 | - | - | - | 9.933.761.943 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 802.451.008.141 | - | - | - | 802.451.008.141 |
| Phải thu khách hàng | 986.492.688.632 | - | 1.020.445.380 | 2.145.708.126 | 989.658.842.138 |
| Các khoản cho vay | 367.705.639.017 | - | - | - | 367.705.639.017 |
| Các khoản phải thu khác | 42.764.644.325 | - | - | - | 42.764.644.325 |
| Cộng | 2.209.347.742.058 | - | 1.020.445.380 | 2.145.708.126 | 2.212.513.895.564 |
| Số đầu năm | | | | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 46.397.315.140 | - | - | - | 46.397.315.140 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 240.977.578 | - | - | - | 240.977.578 |
| Phải thu khách hàng | 539.598.741.700 | - | 3.696.445.920 | 2.145.708.126 | 545.440.895.746 |
| Các khoản cho vay | 46.363.685.126 | - | - | - | 46.363.685.126 |
| Các khoản phải thu khác | 12.814.142.514 | - | - | - | 12.814.142.514 |
| Cộng | 645.414.862.058 | - | 3.696.445.920 | 2.145.708.126 | 651.257.016.104 |

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

| | Từ 01 năm trở xuống | Trên 01 năm đến 05 năm | Trên 05 năm | Cộng |
|-------------------------|--------------------------------|-----------------------------------|--------------------|--------------------------|
| Số cuối năm | | | | |
| Vay và nợ | 1.767.545.055.412 | - | - | 1.767.545.055.412 |
| Phải trả người bán | 146.830.874.325 | - | - | 146.830.874.325 |
| Các khoản phải trả khác | 137.813.591.040 | - | - | 137.813.591.040 |
| Cộng | 2.052.189.520.777 | - | - | 2.052.189.520.777 |
| Số đầu năm | | | | |
| Vay và nợ | 253.660.558.631 | - | - | 253.660.558.631 |
| Phải trả người bán | 242.796.038.230 | - | - | 242.796.038.230 |
| Các khoản phải trả khác | 204.423.538.592 | - | - | 204.423.538.592 |
| Cộng | 700.880.135.453 | - | - | 700.880.135.453 |

Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh và tiền thu từ các tài sản tài chính đáo hạn.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Công ty gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Các phân tích về độ nhạy, các đánh giá dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 31 tháng 12 năm 2013 trên cơ sở giá trị nợ thuần. Mức thay đổi của tỷ giá, lãi suất và giá hàng hóa/nguyên vật liệu sử dụng để phân tích độ nhạy được dựa trên việc đánh giá khả năng có thể xảy ra trong vòng một năm tới với các điều kiện quan sát được của thị trường tại thời điểm hiện tại.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty bán hàng chủ yếu là xuất khẩu với đồng tiền giao dịch chủ yếu là USD do vậy bị ảnh hưởng bởi sự biến động của tỷ giá hối đoái.

Công ty quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, duy trì hợp lý cơ cấu vay và nợ giữa ngoại tệ và VND, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | | | Số đầu năm | | |
|--|------------------------|---------------|------------------|-----------------|----------------------|---------------|--------------------|
| | USD | EUR | GBP | CNY | USD | EUR | GBP |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 229.294,01 | 422,66 | - | 3.436,00 | 1.722.175,75 | 273,78 | - |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 7.217,11 | - | - | - | 7.198,76 | - | - |
| Phải thu khách hàng | 42.203.485,92 | - | - | - | 24.852.950,31 | - | - |
| Các khoản phải thu khác | 1.141.669,20 | - | - | - | 179.139,60 | - | - |
| Vay và nợ | (82.717.320,14) | - | - | - | - | - | - |
| Phải trả người bán | (95.245,59) | - | - | - | (161.029,20) | - | - |
| Các khoản phải trả khác | (4.076.338,89) | - | 84.048,26 | - | (7.352.801,06) | - | (84.048,26) |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ | (43.307.238,38) | 422,66 | 84.048,26 | 3.436,00 | 19.247.634,16 | 273,78 | (84.048,26) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu tỷ giá hối đoái giữa VND và USD tăng/giảm 02% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 18.508.647.538 VND (năm trước tăng/giảm 8.097.864.644 VND) do ảnh hưởng của lỗ/lãi chênh lệch tỷ giá đánh giá lại số dư có gốc ngoại tệ của các công cụ tài chính.

Rủi ro do biến động của tỷ giá hối đoái giữa VND với EUR, GBP và CNY đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do tài sản/(nợ phải trả) thuần có giá trị nhỏ.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và cố định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Công ty như sau:

| | Số cuối năm | | Số đầu năm | |
|------------------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|--|
| | VND | USD | VND | |
| Các khoản cho vay | 365.659.791.129 | - | 38.666.684.400 | |
| Vay và nợ | - | (82.717.320,14) | (253.422.846.926) | |
| Tài sản/(Nợ phải trả) thuần | 365.659.791.129 | (82.717.320,14) | (214.756.162.526) | |

Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của lãi suất các khoản cho vay VND đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Công ty là không đáng kể do có giá trị nhỏ.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, với giả định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay USD có lãi suất thả nổi tăng/giảm 01% thì lợi nhuận trước thuế năm nay của Công ty sẽ giảm/tăng 17.675.864.141 VND (năm trước giảm/tăng 0 VND).

CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu

Công ty có rủi ro về sự biến động của giá hàng hóa/nguyên vật liệu. Công ty quản lý rủi ro về giá hàng hóa/nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty thế chấp các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn và các khoản phải thu khách hàng với giá trị sổ sách lần lượt là 330 tỷ VND và 120 tỷ VND để đảm bảo cho khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh số V.2, V.3 và V.19) (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 là 0 VND).

Công ty sẽ được giải chấp các tài sản thế chấp khi đã hoàn tất nghĩa vụ trả nợ. Không có các điều khoản và điều kiện đặc biệt liên quan đến việc sử dụng các tài sản thế chấp này.

Tài sản nhận thế chấp của đơn vị khác

Công ty không nhận tài sản đảm bảo nào của đơn vị khác tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

7. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | | | Giá trị hợp lý | |
|---|--------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | | Số đầu năm | | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng | | |
| Tiền và các khoản tương đương tiền | 9.933.761.943 | - | 46.397.315.140 | - | 9.933.761.943 | 46.397.315.140 |
| Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 802.451.008.141 | - | 240.977.578 | - | 802.451.008.141 | 240.977.578 |
| Phải thu khách hàng | 989.658.842.138 | (1.501.995.688) | 545.440.895.746 | (1.501.995.688) | 988.156.846.450 | 543.938.900.058 |
| Các khoản cho vay | 367.705.639.017 | - | 46.363.685.126 | - | 367.705.639.017 | 46.363.685.126 |
| Các khoản phải thu khác | 42.764.644.325 | - | 12.814.142.514 | - | 42.764.644.325 | 12.814.142.514 |
| Cộng | 2.212.513.895.564 | (1.501.995.688) | 651.257.016.104 | (1.501.995.688) | 2.211.011.899.876 | 649.755.020.416 |

Nợ phải trả tài chính

| | Giá trị ghi sổ | | Giá trị hợp lý | |
|-------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | Số cuối năm | Số đầu năm | Số cuối năm | Số đầu năm |
| | Vay và nợ | 1.767.545.055.412 | 253.422.846.926 | 1.767.545.055.412 |
| Phải trả người bán | 146.830.874.325 | 242.796.038.230 | 146.830.874.325 | 242.796.038.230 |
| Các khoản phải trả khác | 137.813.591.040 | 204.661.250.297 | 137.813.591.040 | 204.661.250.297 |
| Cộng | 2.052.189.520.777 | 700.880.135.453 | 2.052.189.520.777 | 700.880.135.453 |

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Công ty sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, cho vay, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được) của các khoản mục này do có kỳ hạn ngắn.



CÔNG TY CỔ PHẦN VĨNH HOÀN

Địa chỉ: Quốc lộ 30, phường 11, TP. Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- Giá trị hợp lý của các khoản cho vay dài hạn được ước tính bằng cách chiết khấu dòng tiền với lãi suất áp dụng cho các khoản nợ có đặc điểm và thời gian đáo hạn còn lại tương tự.

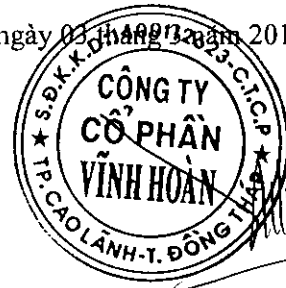
Đồng Tháp, ngày 02 tháng 12 năm 2015

Handwritten signature

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Người lập biểu

Handwritten signature

Hà Thị Phương Thủy Hồng Nhung
Kế toán trưởng



Nguyễn Thị Kim Đào
Giám đốc tài chính

